

TUẦN 8:

Từ ngày 25/10/2021-29/10/2021

Từ tiết 29-> tiết 32

Tiết 29:

TỪ ĐỒNG NGHĨA

I. Thế nào là từ đồng nghĩa?

HS tự học, tự đọc sgk/113,114

II. Các loại từ đồng nghĩa

HS tự học, tự đọc sgk/114

III. Sử dụng từ đồng nghĩa

HS tự học, tự đọc sgk/115

III. Luyện tập

BT1/115. Tìm từ Hán Việt đồng nghĩa.

- Gan dạ: can đảm
- Nhà thơ: thi nhân
- Mổ xẻ: giải phẫu, phẫu thuật
- Cửa cải:tài sản
- Chó biển:hải cẩu
- Đòi hỏi:yêu cầu
- Năm học:niên khóa
- Loài người: nhân loại

Bài 2 /115: Tìm từ gốc Ấn-Âu đồng nghĩa

- Máy thu hình - Ra đi ô
- Sinh tố - vi ta min
- Xe hơi - ô tô
- Dương cầm - pi a nô

Bài 3 Tìm từ địa phương đồng nghĩa

- Ba - thầy - bố
- Má- bầm - bu - mẹ
- Hùm - beo - hổ
- Cây - chó

Bài 4 Tìm từ đồng nghĩa thay thế

- đưa -> trao ; - đưa -> tiễn
- kêu -> than thở, phàn nàn
- nói -> phê bình, trách
- Đi -> mất

Bài 5 .Phân biệt nghĩa

- Ăn, xoi, chén
- + Ăn : sắc thái bình thường
- + Xoi : sắc thái lịch sự, xã giao
- + Chén : sắc thái thân mật.
- Yếu đuối, yếu ớt :

+ Yếu đuối: sự thiếu hẳn sức mạnh về thể chất hoặc tinh thần

+ Yếu ớt: Sức lực hoặc tác dụng coi như là không đáng kể

- Xinh, đẹp :

+ xinh : trẻ, nhỏ nhắn, ưa nhìn

+ **đẹp : ý nghĩa chung hơn, cao hơn xinh**

Bài 6: Chọn từ thích hợp:

a. thành quả - thành tích

b. ngoan cố - ngoan cường

c. nghĩa vụ - nhiệm vụ

d. giữ gìn - bảo vệ

Bài 7

a, - Đối xử/ đối đãi

- đối xử

b, - Trọng đại/ to lớn

Bài 8: Đặt câu

HS tự đặt

Bài 9. Chữa từ dùng sai

- Hưởng thụ - Che chở

- Dạy - Trưng bày

Tiết 30

TỪ TRÁI NGHĨA

I. Thế nào là từ trái nghĩa ?

HS tự học, tự đọc sgk/128

II. Sử dụng từ trái nghĩa

HS tự học, tự đọc sgk/128,129

III. Luyện tập

BT1/129: Các cặp từ trái nghĩa

Lành – rách; giàu – nghèo; ngắn – dài; đêm – ngày; sáng- tối

BT2/129: Các từ trái nghĩa

Cá tươi – cá ươn; hoa tươi- hoa héo; ăn yếu – ăn khỏe; học lực yếu – học lực khá(giỏi); chữ xấu – chữ đẹp; đất xấu – đất tốt .

BT3/129 Điền các từ trái nghĩa thích hợp

Chân cứng đá **mềm**

Có đi có **lại**

Gần nhà **xa** ngõ

Mất nhắm mắt **mở**

Chạy sấp chạy **ngửa**

Vô thưởng vô **phạt**

Bên **trọng** bên khinh

Buổi **đực** buổi cái

Bước thấp bước **cao**

Chân ướt chân **ráo**.

BT 4 : SGK/129

HS viết đoạn văn về tình cảm quê hương có sử dụng từ trái nghĩa.

Tiết 31: TỪ ĐỒNG ÂM

I. Thế nào là từ đồng âm?

HS tự học, tự đọc sgk/135

II. Sử dụng từ đồng âm.

HS tự học, tự đọc sgk/135,136

III. Luyện tập

BT1/136 Tìm từ đồng âm

- Thu₁: mùa thu - thu tiền - thu mình
- cao₁: giá cao – cao lương, nấu cao, cao nguyên, cao ốc, cao điểm.
- ba: ba trăm – ba má
- tranh: nhà tranh – tranh chấp
- Sang: sang trọng – sang sông
- Nam: phía nam – nam giới
- Sức: sức khỏe – sức cản, trang sức, sức hiểu biết.
- Nhè: nhè cơm- khóc nhè
- Tuốt: tuốt lúa (tuốt lá, tuốt gươm)– đi tuốt
- Môi : môi son – môi trường-môi giới

BT2/136

a) Các nghĩa khác nhau của danh từ Cổ :

- xưa, cũ.
 - phần tiếp giáp, nối giữa bộ phận này với bộ phận khác
 - Động từ:(cổ động, cổ vũ)
- =>Nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì đến nhau.

b)

- cái cổ (nối giữa phần đầu với thân)
- Cổ tay (phần nối bàn tay với cánh tay)
- Cổ chai (Phần giữa miệng với thân chai)
- Nghẹn cổ (nói không ra tiếng)
- cổ tích (di tích xưa)
- cổ kính (xưa và có vẻ trang nghiêm)
- cổ nhân (người xưa)
- cổ truyền(từ xưa truyền lại).

-cổ động , cổ vũ(động viên làm cho tinh thần hăng hái)

BT3/136 Đặt câu

- a) Ba tôi **bàn** (Đt) về chuyện mua cái **bàn** mới.
- b) Những con **sâu** đã làm cho vết nứt trên thân cây **sâu** hơn.
- c) Chị Năm đi chợ mua năm con gà

BT4/136

- Hai cặp từ đồng âm làm cơ sở cho câu chuyện:
- **Vạc** (con vạc); **vạc** (vạc đồng)
- **Đồng** (kim loại); **đồng** (cánh đồng)

Rõ ràng ở đây anh chàng nọ đã sử dụng biện pháp dùng từ ngữ đồng âm để lấy lí do không trả lại cái vạc cho người hàng xóm. Nếu xử kiện,cần đặt vào ngữ cảnh cụ thể”vạc” là dụng cụ chứ không phải là con vật.

Tiết 32: CÁCH LẬP Ý CỦA BÀI VĂN BIỂU CẢM

I.Những cách lập ý thường gặp của bài văn biểu cảm.

1. Liên hệ hiện tại với tương lai

- Đoạn văn: /117,118 “Cây tre Việt Nam” (Thép Mới)
- + Đối tượng biểu cảm: Cây tre Việt Nam.
- + Nội dung: sự gắn bó của cây tre Việt Nam trên bước đường đi tới tương lai của đất nước.
- Tình cảm: yêu quý, trân trọng tự hào, gắn bó với cây tre.
- Cách biểu cảm:
- + Gợi nhắc quan hệ với các sự vật.
- + Liên hệ hiện tại với tương lai.

2. Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại

- * Đoạn văn:/118 “Người ham chơi”
- Đối tượng biểu cảm: con gà đất.
- Nội dung: Niềm say mê con gà đất - niềm vui của tuổi thơ.
- Cảm xúc yêu quý, trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ.
- Cách biểu cảm:
- + Hồi tưởng quá khứ
- + Suy nghĩ về hiện tại

3. Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn, mong ước.

*** Đoạn trích /119 “Những tấm lòng cao cả”**

- Đối tượng biểu cảm: cô giáo
- Nội dung: Bày tỏ tình cảm yêu mến đối với cô giáo.
- Hình thức biểu cảm: tưởng tượng tình huống, hứa hẹn và gợi lại kỉ niệm về cô giáo.

*** Đoạn trích:/119,120 Mồm Lũng Cú tốt Bắc**

- Nội dung: Sự liên tưởng của tác giả từ Lũng Cú - cực Bắc của Tổ quốc tới Cà Mau - cực Nam của Tổ quốc.

=> Thể hiện tình yêu đất nước một cách sâu sắc và bày tỏ khát vọng thống nhất đất nước.

- Cách biểu cảm:

+ Tưởng tượng tình huống, giả định.

+ Khát vọng, mong ước.

4. Quan sát và suy ngẫm

Đoạn trích trong “Cỏ dại” của Tô Hoài.

- Đối tượng biểu cảm: Người mẹ của nhân vật tôi.

- Nội dung đoạn văn: Thể hiện tình thương yêu đối với mẹ của nhân vật “tôi”.

- Cách miêu tả:

+ Quan sát -> cảm xúc (suy ngẫm)

+ Khắc hoạ hình ảnh con người

-> nêu nhận xét.

-> Thể hiện tình cảm thương yêu, hối hận vì đã thờ ơ, vô tình.

=> **Kết luận:**

- Có 4 cách lập ý.

- Tình cảm bộc lộ phải chân thật và sự việc được nêu phải có trong kinh nghiệm

-> người đọc tin và đồng cảm.

*** Ghi nhớ (SGK-121)**

II. Luyện tập

BT1/121

Đề bài: Tập lập ý bài văn biểu cảm theo các đề:

Cảm xúc về vườn nhà.

*** Dàn bài:**

- **Mở bài:**

+ Giới thiệu khái quát về vườn nhà.

+ Tình cảm, ấn tượng.

- **Thân bài:** Giới thiệu lai lịch.

+ Miêu tả vườn (những nét đặc sắc nhất).

+ Vườn và cuộc sống buồn vui của gia đình.

+ Vườn và sự lao động, chăm bón của cha mẹ.

+ Vườn qua 4 mùa (những nét tiêu biểu).

- **Kết bài:**

+ Khẳng định giá trị vườn nhà.

+ Cảm xúc của người viết.

Cảm xúc về con vật nuôi.

*** Mở bài :** Giới thiệu con vật nuôi (con gì, tên) và cảm xúc về nó.

*** Thân bài:**

- Lai lịch con vật nuôi -> Hồi tưởng quá khứ -> cảm xúc.

- Miêu tả con vật nuôi -> quan sát - Cảm xúc.

- Tưởng tượng tình huống (bán con vật nuôi, nó ốm mệt ...).

-> Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc.

- Sự gắn bó với con vật nuôi vì vai trò, lợi ích.

* **Kết bài:**

- Cảm xúc về con vật nuôi

Cảm xúc về người thân.

* **Mở bài :**

- GT người thân là ai? Mối quan hệ với người đó như thế nào?

- Cảm xúc chung về người thân.

* **Thân bài:**

- Miêu tả người thân -> quan sát, suy ngẫm.

- Hồi tưởng kỷ niệm, ấn tượng mình đã có với người đó trong quá khứ.

- Sự gắn bó của mình với người đó trong hiện tại (nỗi buồn, vui, sinh hoạt, vui chơi, học tập...)

- Nghĩ đến hiện tại và tương lai của người đó -> bày tỏ tình cảm, sự quan tâm, mong muốn.

* **Kết bài:** Cảm xúc về người thân.

Hết tuần 8.

Chúc các em học tốt!